TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16-10-2018
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đoàn.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Dương Xuân Thanh;
Bà Trần Thị Lãm.
- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Kim Tươi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên toà:*** Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018, về việc: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Thị L, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn L, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh;

Tạm trú: Khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 3 năm 2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn- Chị Lâm Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Huỳnh Văn L là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2002, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 5 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 6 năm 2014 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do chồng ghen tuông, đánh đập, đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thành, đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2014 cho đến nay. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị L yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn L.

- Về con chung: Chị L và anh L có hai người con chung tên Huỳnh Lâm Ngọc H, sinh ngày 30-6-2004 (nữ); Huỳnh Lâm Bảo K, sinh ngày 30-7-2010 (nữ). Khi ly

hôn, chị L yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung theo pháp luật quy định.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị L không còn yêu cầu hay trình bày gì khác.

Bị đơn – Anh Huỳnh Văn L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh L xác định lời khai của chị L về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn là đúng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng là do anh L đi làm tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, còn chị L làm công nhân tại Công ty cổ phần Việt Nam Mộc Bài. Khi anh L về nhà thì thấy chị L hay lén lút nghe điện thoại riêng, nên anh L ghen tuông, có chửi bởi, đánh đập chị L và sống ly thân từ tháng 6 năm 2014 cho đến nay. Nhưng do còn thương yêu vợ con, nên anh L không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có hai người con chung tên Huỳnh Lâm Ngọc H, sinh ngày 30-6-2004 (nữ); Huỳnh Lâm Bảo K, sinh ngày 30-7-2010 (nữ). Do anh L không đồng ý ly hôn, nên không yêu cầu giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung:

+ Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh L không còn yêu cầu hay trình bày gì khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn, đã chấp hành tốt những qui định pháp luật, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành nghiêm nội qui phiên tòa. Bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là phù hợp Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lâm Thị L, chị L được ly hôn với anh L. Về con chung: Giao 02 người con chung cho chị L tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung theo pháp luật quy định. Về tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị L, anh L phải chịu tiền án phí theo pháp luật quy định.

- Về yêu cầu khắc phục vi phạm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Huỳnh Văn L tuy vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để đảm bảo cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh L là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2002, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 5 năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Chị L và anh L chung sống hạnh phúc với nhau từ năm 2002 đến tháng 6 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân, do anh L ghen tuông, đánh đập chị L nhiều lần, đã được gia đình hai bên hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng của chị L và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L về việc tranh chấp về ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Chị L và anh L có hai người con chung tên Huỳnh Lâm Ngọc H, sinh ngày 30-6-2004 (nữ); Huỳnh Lâm Bảo K, sinh ngày 30-7-2010 (nữ), hai con chung đang chung sống với chị L, cháu H và cháu K có nguyện vọng chung sống với chị L, nên chấp nhận theo nguyện vọng của cháu H, cháu K và yêu cầu của chị L.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.390.000 đồng/02 cháu, tính từ ngày 16-10-2018 đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh L không có yêu cầu nên không xem xét ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L, anh L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58; Điều 71; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5; điểm a, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị L được ly hôn với anh Huỳnh Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Lâm Thị L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung tên Huỳnh Lâm Ngọc H, sinh ngày 30-6-2004 (nữ); Huỳnh Lâm Bảo K, sinh ngày 30-7-2010 (nữ).

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Huỳnh Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.390.000 (một triệu ba trăm chín mươi ngàn) đồng/02 cháu, tính từ ngày 16-10-2018 đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Lâm Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Huỳnh Văn L không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh Huỳnh Văn L còn phải trả cho chị

Lâm Thị L số tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh Huỳnh Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Lâm Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai số 0021317 ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Chị L đã nộp xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Huỳnh Văn L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện B;
- C.c THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

NGUYỄN VĂN ĐOÀN

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NGUYỄN VĂN ĐOÀN